

Phụ lục

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục các dự án, hoạt động	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2023)			Lũy kế bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến hết Kế hoạch năm 2024			Kế hoạch vốn 2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng tối thiểu 10%)	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng tối thiểu 10%)	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng tối thiểu 10%)		
	TỔNG SỐ	188.754	167.907	20.847	138.174	125.612	12.561	46.043	37.757	8.286		
1	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	47.798	43.453	4.345	36.762	33.422	3.340	6.498	5.493	1.005		
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn huyện Tri Tôn	29.637	26.942	2.695	22.162	20.148	2.014	4.177	3.496	681	UBND huyện Tri Tôn	
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn thị xã Tịnh Biên	12.427	11.297	1.130	8.866	8.060	806	2.321	1.997	324	UBND TX Tịnh Biên	
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn huyện An Phú	2.389	2.172	217	2.389	2.172	217				UBND huyện An Phú	Đã bố trí đủ vốn trung hạn đến năm 2024
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn huyện Thoại Sơn	1.912	1.739	173	1.912	1.739	173				UBND huyện Thoại Sơn	Đã bố trí đủ vốn trung hạn đến năm 2024
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn TX Tân Châu	1.433	1.303	130	1.433	1.303	130				UBND TX Tân Châu	Đã bố trí đủ vốn trung hạn đến năm 2024
2	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	102.126	92.842	9.284	75.040	68.218	6.822	27.086	24.624	2.462		
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	102.126	92.842	9.284	75.040	68.218	6.822	27.086	24.624	2.462		
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Tri Tôn	62.457	56.779	5.678	42.431	38.574	3.857	20.026	18.205	1.821	UBND huyện Tri Tôn	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thị xã Tịnh Biên	35.869	32.609	3.260	28.809	26.190	2.619	7.060	6.419	641	UBND TX Tịnh Biên	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện An Phú	2.533	2.302	231	2.533	2.302	231				UBND huyện An Phú	Đã bố trí đủ vốn trung hạn đến năm 2024
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Thoại Sơn	1.267	1.152	115	1.267	1.152	115				UBND huyện Thoại Sơn	Đã bố trí đủ vốn trung hạn đến năm 2024
3	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	25.793	19.761	6.032	15.628	14.205	1.422	10.166	5.556	4.610		

TT	Danh mục các dự án, hoạt động	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2023)			Lũy kế bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến hết Kế hoạch năm 2024			Kế hoạch vốn 2025			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đổi ứng tối thiểu 10%)	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đổi ứng tối thiểu 10%)	Tổng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương (đổi ứng tối thiểu 10%)		
	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	25.793	19.761	6.032	15.628	14.205	1.422	10.166	5.556	4.610		
	<i>Đầu tư bổ sung, sửa chữa cơ sở vật chất cho Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông An Giang</i>	11.129	9.544	1.585	7.539	6.852	687	3.590	2.692	898	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	<i>Đầu tư bổ sung, sửa chữa cơ sở vật chất cho Trường phổ thông Dân tộc Nội trú trung học cơ sở Tịnh Biên</i>	7.709	5.316	2.393	4.227	3.844	383	3.482	1.472	2.010	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	<i>Đầu tư bổ sung, sửa chữa cơ sở vật chất cho Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Trung học cơ sở Tri Tôn, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn</i>	6.955	4.901	2.054	3.861	3.509	352	3.094	1.392	1.702	Sở Giáo dục và Đào tạo	
4	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	8.170	7.427	743	5.877	5.343	534	2.293	2.084	209		
	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	8.170	7.427	743	5.877	5.343	534	2.293	2.084	209	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	4.867	4.424	443	4.867	4.424	443	-	-	-		
	Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.867	4.424	443	4.867	4.424	443	-	-	-		
	<i>Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự;</i>	4.372	3.974	398	4.372	3.974	398				Sở Thông tin và Truyền thông	Đã bố trí đủ vốn trung hạn đến năm 2024
	<i>Thiết lập phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc</i>	495	450	45	495	450	45				Ban Dân tộc tỉnh	Đã bố trí đủ vốn trung hạn đến năm 2024

